

Bản án số: 109/2022/HS-ST
Ngày 22-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thuý Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hg Trần Trọng An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình L, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1989 tại Hải Phòng, nơi cư trú: Thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình Ph và bà Nguyễn Thị G; có vợ là chị Lương Thị H và 02 con; tiền sự: Không, tiền án: Không; nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân quận K, Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản theo Bản án số 41/2006/HS-ST ngày 31/5/2006 (khi phạm tội bị cáo L dưới 16 tuổi nên được coi là không có án tích theo điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự). Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 25/10/2021, đến ngày 03/11/2021 chuyển tạm giam.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đăng K, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A; có mặt.

- Bị hại: Anh Trần T, sinh năm 1973, HKTT: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh

Thái Bình; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: P, phường T, thành phố Hải Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1987; vắng mặt.
2. Ông Vũ Trần T, sinh năm 1983; vắng mặt.
3. Ông Lê Hữu M, sinh năm 1975; vắng mặt.
4. Chị Lương Thị H, sinh năm 1987; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình L đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 15C-257.19 nhãn hiệu MIGHTY DONGVANG thế chấp tại ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Khoảng tháng 6/2018, do cần tiền trả nợ L nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để bán xe. Thông qua mạng xã hội Facebook, L cung cấp ảnh chụp và thông tin cá nhân và xe ô tô của mình đang thế chấp tại ngân hàng, thuê người (không biết tên tuổi, địa chỉ) làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 15C – 257.19 với giá 800.000 đồng. Trước đó, ngày 17/6/2018 do quen biết Phạm Hữu N (sinh năm 1987, HKTT: Thôn Trung, A, An Lão, Hải Phòng), L gặp anh Trần T (sinh năm 1973, HKTT: Thôn 3, T, T, Thái Bình), Vũ Trần T (sinh năm 1983, HKTT: Thôn Tự Tiên, Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng), Lê Hữu M (sinh năm 1975, là bạn cùng thôn với anh Thiệu) do N dẫn đến nhà L vì anh Thiệu có nhu cầu mua xe ô tô, L đồng ý bán xe cho anh Thiệu với giá 600.000.000 đồng, anh Thiệu đặt cọc trước 20.000.000 đồng. Giấy đặt cọc do anh T viết, L và anh Thiệu ký tên dưới mục bên bán, bên mua. L nói sẽ đi trả nợ ngân hàng lấy Giấy đăng ký xe ô tô để làm thủ tục bán cho anh T và hỏi vay Phạm Hữu N 100.000.000 đồng để lấy giấy tờ xe về, anh N đồng ý.

Ngày 22/6/2018, anh T giao nốt số tiền còn lại là 580.000.000 đồng tại chân cầu vượt cao tốc thuộc địa phận thôn Q, M, A, Hải Phòng. Anh N là người viết giấy mua bán xe ô tô, anh T và L ký tên dưới mục bên mua, bên bán. Sau khi nhận đủ tiền, L bàn giao cho anh T xe ô tô cùng Giấy đăng ký xe ô tô và các giấy tờ liên quan. Anh T đưa cho anh N và anh T 7.000.000 đồng tiền công môi giới.

Ngày 07/08/2018, anh T đã bán lại chiếc xe ô tô cho chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1977, HKTT: Phú Tài, T, TP Hải Dương) với giá 615.000.000 đồng. Khi làm thủ tục sang tên xe ô tô, chị L phát hiện giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đình L là giả nên báo cho anh T, anh T và chị L đã làm đơn tố cáo L tới cơ quan công an.

Số tiền bán xe có được L trả anh N 100.000.000 đồng và cho anh N 15.000.000 đồng tiền công môi giới bán xe, trả nợ vay ngân hàng 10.000.000 đồng, trả nợ một số người khác và ăn tiêu cá nhân hết. Sau đó, L bỏ trốn đến tỉnh L An. Ngày 25/10/2021, Nguyễn Đình L bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, L còn khai nhận: Tại L An, thông qua mạng xã hội Facebook, vào khoảng năm 2019, L cung cấp ảnh chụp và thông tin cá nhân đặt làm và sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để xin vào làm việc tại Công ty TNHH sản xuất dịch vụ vận tải Tiến Phát (01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 với giá 400.000 đồng; các giấy tờ khác với giá 350.000 đồng gồm 01 Sổ hộ khẩu, 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Đơn xin việc làm, 01 Giấy chứng nhận hạnh kiểm, 01 Phiếu khám sức khỏe); Năm 2021, L đặt làm và sử dụng giấy Chứng minh nhân dân số 031228136 giả với giá 300.000 đồng để thuê trọ tại xã Lương Bình, Bến Lức, L An. L khai không sử dụng Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104, trong quá T lưu thông L chỉ sử dụng Giấy phép lái xe hạng B2 do Sở Giao thông vận tải TP Hải Phòng cấp.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã xác minh xác định bản chính Giấy đăng ký xe ô tô BKS 15C – 257.19 đang lưu giữ tại ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; xác minh tại Sở Giao thông vận tải TP Hải Phòng xác nhận đã cấp Giấy phép lái xe hạng B2 số 310072002928 cho Nguyễn Đình L; xác minh tại Công ty TNHH sản xuất dịch vụ vận tải Tiến Phát và thu giữ 01 bộ hồ sơ xin việc của L gồm 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 (bản photo); 01 Chứng minh nhân dân số 031512655 (bản photo); 01 Sổ hộ khẩu, 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Đơn xin việc làm, 01 Giấy chứng nhận hạnh kiểm, 01 Phiếu khám sức khỏe. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành trưng cầu giám định số khung, số máy của xe ô tô; các giấy tờ tài liệu thu giữ được và yêu cầu giám định và định giá tài sản.

Tại Kết luận giám định số 910/KLGD ngày 20/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Số khung số máy của xe ô tô BKS 15C – 257.19 không bị tẩy xóa, sửa chữa* (BL 166).

Tại Kết luận giám định số 02/KLGD ngày 9/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0491236 ghi ngày 27/5/2017, tên chủ xe Nguyễn Đình L, địa chỉ: U, T, K, Hải Phòng... biển số đăng ký: 15C – 257.19 là giả* (BL 164).

Tại Chứng thư giám định số VDI1903029 ngày 25/3/2019 của Công ty cổ phần giám định Việt Đức giám định chất lượng xe ô tô tải đã qua sử dụng BKS 15C – 257.19 còn lại đạt khoảng 75 – 80%; Chứng thư thẩm định giá số 973 ngày 26/3/2019 của Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá VCHP xác định giá trị là 535.000.000 đồng (BL 236 – 243).

Tại Kết luận giám định số 68/KLGD ngày 10/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Chữ viết trên giấy mua bán xe ô tô đề ngày 17/6/2018 là của Vũ Trần T; chữ ký, chữ viết dưới mục bên bán xe là của Nguyễn Đình L; Chữ viết trên giấy mua bán xe ô tô đề ngày 22/6/2018 là của Phạm Hữu N; chữ ký, chữ viết dưới mục bên bán xe là của Nguyễn Đình L (BL 172 – 173).*

Tại Kết luận giám định số 217/KLGD ngày 15/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: *01 giấy chứng minh nhân dân số 031228136 họ tên Nguyễn Đình L, sinh ngày 26/01/1986, Nơi ĐKKHKT: Ấp 5 Bến Kiền, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng ghi ngày 05/10/2012 là giả...(BL 180).*

Tại Kết luận giám định số 41/KL-KTHS(TL) ngày 05/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: *01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Đình L; Hình dấu tròn nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA K KHU VỰC ĐỨC HÒA”; Hình dấu tròn nội dung “U.B.N.D XÃ THUẬN THIÊN H KIẾN THUY TP. HẢI PHÒNG”; Hình dấu nội dung “CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH...U.B.N.D XÃ THUẬN THIÊN H KIẾN THUY TP. HẢI PHÒNG”; Hình dấu tròn nội dung “CÔNG AN XÃ THUẬN THIÊN CÔNG AN HUYỆN KIẾN THUY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG” được làm giả (BL 185 – 186).*

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKS-P2 ngày 26/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Đình L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng, thừa nhận về hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu, việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan.

Sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên T bày quan điểm luận tội: Phân tích hành vi, tính chất, mức độ nghiêm trọng, nhân thân của bị cáo và đề nghị:

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo L không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ là: “bồi thường thiệt hại”, “thành khẩn khai báo”, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can, có ông nội là người có công với cách mạng (ông Nguyễn Đình Khánh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương chiến sĩ vẻ vang) được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Áp dụng Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đình L từ 12 – 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 4 – 5 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù từ 16 – 18 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo có H cảnh khó khăn.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 310072002928 L không sử dụng để đưa vào hồ sơ xin việc mà sử dụng để lưu thông khi lái xe, L có đơn ủy quyền giao cho gia đình quản lý, có căn cứ để trả lại cho gia đình L quản lý;

+ Các vật chứng 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS 15C – 257.19; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031228136; 01 Sơ yếu lý lịch; 01 Bản sao sổ hộ khẩu; 01 Đơn xin việc; 01 Giấy chứng nhận hạnh kiểm; 01 Phiếu khám sức khỏe; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031512655 (bản photo); 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 (bản photo) đưa vào hồ sơ vụ án;

+ Số tiền 15.000.000 đồng do Phạm Hữu N tự nguyện giao nộp là tiền thu lợi bất chính tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo T bày lời bào chữa:

Về tội danh, điều luật, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm truy tố đã rõ, nên luật sư không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo, đặc biệt là gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, phía bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xem xét khi lượng hình. Đối với tội làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức, bị cáo L sau khi bị bắt đã tự khai về việc bị cáo sử dụng các giấy tờ giả để làm việc tại Công ty TNHH Tiến Phát, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá T điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đình L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Nguyễn Đình L có xe ô tô nhãn hiệu MIGHTY DONGVANGBKS 15C- 257.19 đang thế chấp tại ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Do cần tiền trả nợ L nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để bán xe (vì giấy tờ xe đang thế chấp tại Ngân hàng). Khoảng tháng 6/2018, thông qua mạng xã hội Facebook, L cung cấp ảnh chụp và thông tin cá nhân và xe ô tô của mình đang thế chấp tại ngân hàng, thuê người (không biết tên tuổi, địa chỉ) làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 15C – 257.19 với giá 800.000 đồng. Trước đó, ngày 17/6/2018 do quen biết Phạm Hữu N, L nhờ N bán xe hộ, anh N đã giới thiệu anh Trần T mua xe ô tô của L với giá 600.000.000 đồng, anh T đặt cọc trước 20.000.000 đồng. Ngày 22/6/2018, anh T giao nốt số tiền còn lại là 580.000.000 đồng, anh T sử dụng xe một thời gian, đến ngày 07/08/2018, anh T đã bán lại chiếc xe ô tô cho chị Nguyễn Thị L với giá 615.000.000 đồng. Khi làm thủ tục sang tên xe ô tô, chị L phát hiện giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đình L là giả nên báo cho anh T, anh T và chị L đã làm đơn tố cáo L tới cơ quan công an. Như vậy L đã có hành vi làm giả đăng ký xe ô tô để bán cho anh T.

Sau đó, khoảng năm 2019, tại L An, L đặt làm và sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để xin vào làm việc tại Công ty TNHH sản xuất dịch vụ vận tải Tiên Phát (01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 với giá 400.000 đồng; các giấy tờ khác với giá 350.000 đồng gồm 01 Sổ hộ khẩu, 01 Sơ yếu lý lịch, 01 Đơn xin việc làm, 01 Giấy chứng nhận hạnh kiểm, 01 Phiếu khám sức khỏe). Năm 2021, L đặt làm và sử dụng giấy Chứng minh nhân dân số 031228136 giả với giá 300.000 đồng để thuê trọ tại xã L, B, L An.

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định L đã có hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và

Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: L đã làm giả giấy tờ xe để lừa đảo chiếm đoạt số tiền rất lớn là 600.000.000 đồng là một tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo Nguyễn Đình L đã có hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, sau đó còn làm và sử dụng 6 loại giấy tờ giả và sử dụng để lừa dối cơ quan, tổ chức và cá nhân nhằm mục đích xin việc và thuê nhà trọ nên hành vi của bị cáo đã phạm tội Làm và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể tài sản của người khác và trật tự quản lý hành chính, lỗi của bị cáo là cố ý, bị cáo nhận thức được hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện để nhằm mục đích bán chiếc xe của mình để chiếm đoạt số tiền rất lớn. Do đó cần phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, trừng trị tội phạm, đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, tại Hải Phòng và L An, Nguyễn Đình L đã nhiều lần thực hiện hành vi cung cấp thông tin cá nhân đặt làm các loại giấy tờ tài liệu giả để lừa dối cá nhân, tổ chức nhằm chiếm đoạt tài sản và các mục đích xin việc làm, thuê nhà trọ. Mỗi lần thực hiện hành vi làm giả giấy tờ đã đủ yếu tố cấu thành và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã tác động gia đình “bồi thường thiệt hại”, “thành khẩn khai báo”, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có ông nội là người có công với cách mạng (ông Nguyễn Đình Khánh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương chiến sĩ vẻ vang) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự thú”. Tuy nhiên khi bị cáo bị truy nã về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì trong đó đã có việc bị cáo làm giả giấy tờ xe. Mặt khác khi bị bắt theo lệnh truy nã, bị cáo đã bị thu giữ 01 chứng minh thư giả, đồng thời cơ quan điều tra đã thu giữ bộ hồ sơ xin việc của bị cáo tại công ty Tiến Phát, bị cáo đương nhiên phải khai đây là giấy tờ giả. Do vậy không thể coi đây là tình tiết “tự thú”.

[7] *Về nhân thân:* Bị cáo L đã từng bị Tòa án nhân dân quận K, Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản theo Bản án số

41/2006/HS-ST ngày 31/5/2006 (Khi phạm tội L dưới 16 tuổi nên được coi là không có án tích theo điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự). Mặc dù không coi bị cáo là người có án tích, nhưng cũng cần đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, Hội đồng xét xử sẽ xem xét yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt:

[8] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Do nợ nần mà bị cáo muốn bán chiếc xe của mình để trả nợ, tuy nhiên, đăng ký thật xe của bị cáo đang thế chấp ngân hàng nên bị cáo đã nghĩ ra cách làm giả giấy tờ để bán xe. Hành vi làm giả giấy tờ chỉ để nhằm mục đích để bán được xe. Nên cần xem xét xử bị cáo mức án vừa phải trên khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, cũng đã đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Bị cáo Nguyễn Đình L đã tác động gia đình bồi thường cho anh T 615.000.000 đồng, anh T đã trả lại cho chị L, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[10] Chiếc xe ô tô BKS 15C – 297.19 ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã thu giữ và phát mại theo quy định pháp luật. Đến nay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không có đơn yêu cầu bị cáo trả, bồi thường khoản tiền nào. Nên không đặt ra trách nhiệm đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Nguyễn Đình L 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 310072002928.

[12] Số tiền 15.000.000 đồng do anh Phạm Hữu N tự nguyện giao nộp, đây là số tiền mà bị cáo L trả tiền hoa hồng cho anh N cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[13] Toàn bộ giấy tờ gồm 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS 15C - 257.19; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031228136; 01 Sơ yếu lý lịch; 01 Bản sao sổ hộ khẩu; 01 Đơn xin việc; 01 Giấy chứng nhận hạnh kiểm; 01 Phiếu khám sức khỏe; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031512655 (bản photo); 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 (bản photo) mang tên Nguyễn Đình L cần giữ lại hồ sơ vụ án, nên đề nghị Cơ quan thi hành án chuyển lại số vật chứng này cho Tòa án để lưu hồ sơ vụ án vì đây là các tài liệu chứng cứ của vụ án.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

-Về vấn đề khác:

[14] Trong vụ án này, anh Phạm Hữu N là người môi giới, viết giấy bán xe ô tô ngày 22/6/2018 để L bán xe ô tô BKS 15C – 257.19 cho anh T và được L cho 15.000.000 đồng; Vũ Trần T viết giấy bán xe ô tô ngày 17/6/2018; chị Lương Thị H (vợ L) là người cùng L nhận tiền bán xe ô tô ngày 22/6/2018 nhưng không được bàn bạc, tham gia và không biết việc L sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để bán xe chiếm đoạt 600.000.000 đồng nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[15] Đối với chị Kiều Thị Tuyết Nga – chủ nhà trọ Huỳnh Nga, anh Trần Văn Tuyến – Giám đốc Công ty TNHH sản xuất dịch vụ vận tải Tiến Phát đã cho L ở trọ và tiếp nhận L vào làm việc không biết giấy tờ của L là giả và không biết L là đối tượng truy nã nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Điều 38; Điều 17; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Đình L** 13 (Mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 04 (Bốn) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.000.000 đồng do anh Phạm Hữu N tự nguyện giao nộp.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đình L 01 giấy phép lái xe hạng B 2 số 310072002928.

- Toàn bộ giấy tờ gồm: 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS 15C – 257.19; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031228136; 01 Sơ yếu lý lịch; 01 Bản sao sổ hộ khẩu; 01 Đơn xin việc; 01 Giấy

chứng nhận hạnh kiểm; 01 Phiếu khám sức khỏe; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 031512655 (bản photo); 01 Giấy phép lái xe hạng C số 370163025104 (bản photo) mang tên Nguyễn Đình L là tài liệu chứng cứ của vụ án nên đề nghị Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chuyển toàn bộ các tài liệu này cho Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng để lưu hồ sơ.

Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/6/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố với Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường